|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT BẮC NINH**TRƯỜNG THPT PHỐ MỚI**Số: /BC-THPTPM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quế Võ, ngày 03 tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng**

**kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG** **VỀ TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ**

**1. Về đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn thi tốt nghiệp THPT**

- Điều kiện cơ sở vật chất: Nhà trường đã và đang tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện và đầy đủ hơn

Đội ngũ cán bộ giáo viên: Năm học 2022-2023 nhà trường có 58 cán bộ giáo viên trong đó: 02 CBQL; 06 CB hành chính và 50 giáo viên

**Số lượng chất lượng giáo viên từng môn như sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn** | **Trình độ** | **Số GV cơ hữu** | **Số GV đạt GV Dạy giỏi cấp tỉnh** |
| **Tổng số** | **Đại học** | **Thạc sĩ** |
| 1 | **Toán** | 9 | 7 | 2 | 9 | 2 |
| 2 | **Lý** | 4 | 3 | 2 | 2 | 4 |
| 3 | **Hoá** | 3 | 3 | 0 | 3 | 1 |
| 4 | **Sinh** | 3 | 3 | 0 | 3 | 1 |
| 5 | **Văn** | 8 | 7 | 2 | 7 | 3 |
| 6 | **Sử** | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 |
| 7 | **Địa** | 3 | 3 | 0 | 2 | 1 |
| 8 | **T.Anh** | 8 | 9 | 0 | 4 | 1 |
| 9 | **GDCD** | 2 | 2 | 0 | 2 | 1 |
| 10 | **CN** | 3 | 2 | 0 | 2 | 1 |
| 11 | **Tin học** | 4 | 4 | 0 | 1 | 0 |
| 12 | **Thể dục+GDQP** | 3 | 3 | 0 | 2 | 2 |
| **Tổng** | **52** | **45** | **7** | **39** | **18** |

 - Các giáo viên tham gia giảng dạy ôn thi tốt nghiệp đều là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy ôn thi tốt nghiệp, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Giáo viên có thành tích cao trong đào tạo học sinh giỏi cấp tỉnh của nhà trường

- Hầu hết các giáo viên đều yêu nghề, nhiệt tình trong công việc, sáng tạo trong dạy học.

- Đa số học sinh ngoan, chịu khó.

**2. Về học sinh lớp 12**

- Số dự thi bài Toán; 350

- Số dự thi bài Ngữ văn; 350

- Số dự thi bài Ngoại ngữ; 350

- Số dự thi bài KHTN; 14

- Số dự thi KHXH. 336

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG VĂN SỐ 1385/SGDĐT-GDTrH&GDTX**

1. **Giải pháp 1: Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về kỳ thi**

- Ngay từ đầu năm học 2022-2023 nhà trường đã tuyên truyền tới học sinh và cha mẹ học sinh về kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

- Hiện tại nhà trường đang tích cực tuyên truyền thông tin rộng rãi tới cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng, thông tin kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 (thời gian thi, địa điểm thi, công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ thi, đảm bảo an toàn thực phẩm, hình thức thi, xét, những điểm mới,…) để kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc đúng quy chế.

- GVCN lớp 12 và đội ngũ CB phụ trách công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh luôn tích cực phổ biến, nâng cao nhận thức về kỳ thi, chú trọng thông tin về những quy định, điểm mới của kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023 và công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023 đến với học sinh lớp 12 và PHHS.

- Nhà trường phối hợp với nhiều trường ĐH, CĐ, trung cấp và các công ty tư vấn du học hướng dẫn học sinh khối 12 tìm hiểu các trường, ngành học phù hợp với sở thích, năng lực để lựa chọn khối thi, đăng ký xét tuyển. Hướng dẫn kĩ năng làm bài đối với học sinh để khắc phục những sai sót dễ mắc phải.

**2. Giải pháp 2: Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, hiệu quả hoạt động của đội ngũ giáo viên cốt cán**

- Nhà trường phân công các giáo viên giảng dạy khối 12 tham dự đầy đủ, có hiệu quả các Hội nghị chuyên đề cấp tỉnh đối với từng môn thi theo kế hoạch của sở, thực hiện các nhiệm vụ: soạn thảo đề thi tham khảo, chuyên đề ôn tập; Thẩm định đề thi của trường bạn theo phân công của sở.

- Nhà trường phối hợp với các trường THPT trong huyện Quế Võ tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm trường Quế Võ vào ngày 10/4/2023 tại trường THPT Quế Võ Số 1 với nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, cụm chuyên môn phong phú, hiệu quả. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên giảng dạy lớp 12 tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn do Sở GDĐT và của cụm trường Quế Võ tổ chức.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ giáo viên cốt cán tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức cho đội ngũ giáo viên cốt cán hướng dẫn xây dựng nội dung ôn tập, kế hoạch giảng dạy,… cho phù hợp và hiệu quả ở cơ sở căn cứ vào các đề ôn tập, chuyên đề ôn tập của các trường trong tỉnh xây dựng.

**3. Giải pháp3: Xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề ôn tập đáp ứng từng giai đoạn**

- Nhà trường giao các tổ nhóm chuyên môn căn cứ các chuyên đề ôn tập; ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi dùng chung cấp tỉnh bám sát cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT để xây dựng nội dung ôn tập cho học sinh trong trường đảm bảo chất lượng phù hợp với đối tượng học sinh nhà trường ngay từ đầu năm học và từng giai đoạn.

- Phân công, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên dạy 12 tham gia tập huấn về xây dựng ngân hàng đề thi đối với từng môn học.

**4. Giải pháp 4: Phân loại, tổ chức dạy học theo năng lực và nguyện vọng của học sinh**

- Nhà trường căn cứ kết quả các kỳ thi làm căn cứ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch dạy học đảm bảo bám sát đối tượng; các GVBM dạy ôn thi tốt nghiệp xây dựng kế hoạch phân loại, tổ chức dạy học, ôn tập phù hợp theo năng lực và nguyện vọng của học sinh. Giai đoạn nước rút từ trung tuần tháng 5, nhà trường tổ chức thêm các lớp bổ trợ để ôn tập riêng cho các nhóm học sinh có kết quả thấp theo từng môn của cả khối với nội dung phù hợp để các em củng cố kiến thức.

- Sắp xếp đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm, nghiệp vụ để ôn tập cho học sinh.

- GVBM lập các nhóm học tập (trực tuyến, trực tiếp) phù hợp các đối tượng học sinh (nhóm học sinh khó khăn, nhóm học sinh dự thi đại học) với vai trò hướng dẫn, giải đáp của đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm ở trường; tổ chức đánh giá, phân tích chung.

**5. Giải pháp 5: Chú trọng công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện với các chỉ tiêu rõ ràng, nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tham gia; với các giải pháp cần đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Ban giám hiệu tích cực kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch ôn tập của từng môn trên từng lớp.

**III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT KHẢO SÁT**

1. **Kết quả chung toàn trường**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Điểm TB thi TN THPT toàn quốc năm 2022** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Khảo sát đợt 3** |
| **Điểm TB** | **Chênh lệch so với TB toàn quốc năm 2022** | **Điểm TB** | **Chênh lệch so với TB toàn quốc năm 2022** | **Điểm TB** | **Chênh lệch so với TB toàn quốc năm 2022** |
| Toán | 6,47 | 5,64 | -0,83 | 4,91 | -1,56 |  |  |
| Văn | 6,51 | 6,48 | -0,03 | 5,85 | -0,66 |  |  |
| Anh | 5,15 | 4,74 | -0,41 | 4,14 | -1,01 |  |  |
| Lí | 6,72 | 5,77 | -0,95 | 6,73 | 0,01 |  |  |
| Hóa | 6,70 | 6,98 | 0,28 | 6,89 | 0,19 |  |  |
| Sinh | 5,02 | 6,43 | 1,41 | 7,29 | 2,27 |  |  |
| Sử | 6,34 | 5,17 | -1,17 | 5,13 | -1,21 |  |  |
| Địa | 6,68 | 6,7 | 0,02 | 6 | -0,68 |  |  |
| GDCD | 8,03 | 5,43 | -2,60 | 5,11 | -2,92 |  |  |
| Toàn trường | 5,66 | 5,71 | 0,05 | 5,22 | -0,44 |  |  |

**2. Kết quả từng môn học**

**2.1. Môn Toán**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 46 | Nguyễn Văn Phức | 6,69 | 5,43 |  |
| 12A2 | 45 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 5,73 | 4,93 |  |
| 12A3 | 48 | Nguyễn Văn Phức | 5,66 | 5,02 |  |
| 12A4 | 43 | Nguyễn Lan Hương | 5,95 | 5,27 |  |
| 12A5 | 46 | Nguyễn Văn Diện | 5,76 | 5,41 |  |
| 12A6 | 41 | Nguyễn Văn Phức | 5,15 | 4,20 |  |
| 12A7 | 42 | Nguyễn Lan Hương | 5,00 | 4,56 |  |
| 12A8 | 39 | Nguyễn Văn Diện | 5,05 | 4,25 |  |

**2.2. Môn Ngữ văn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 46 | Nguyễn Thị Hảo | 6,78 | 6,46 |  |
| 12A2 | 45 | Trần Thị Vân Anh | 6,72 | 6,23 |  |
| 12A3 | 48 | Nguyễn Thị Hảo | 6,94 | 6,35 |  |
| 12A4 | 43 | Trần Thị Vân Anh | 6,59 | 6,08 |  |
| 12A5 | 46 | Đinh Thị Hằng | 6,58 | 5,51 |  |
| 12A6 | 41 | Nguyễn Thị Hảo | 5,98 | 5,20 |  |
| 12A7 | 42 | Đinh Thị Hằng | 6,20 | 5,64 |  |
| 12A8 | 39 | Nguyễn Thị Hảo | 5,88 | 5,08 |  |

**2.3. Môn Tiếng Anh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 46 | Nguyễn Thị Khanh | 5,50 | 4,84 |  |
| 12A2 | 45 | Nguyễn Thị Hiều | 5,17 | 4,66 |  |
| 12A3 | 48 | Nguyễn Thị Khanh | 4,50 | 4,27 |  |
| 12A4 | 43 | Nguyễn Thị Hưng | 4,78 | 4,18 |  |
| 12A5 | 46 | Nguyễn Thị Hiền | 5,02 | 4,54 |  |
| 12A6 | 41 | Nguyễn Thị Hưng | 4,45 | 3,43 |  |
| 12A7 | 42 | Nguyễn Thị Hiều | 4,01 | 3,53 |  |
| 12A8 | 39 | Nguyễn Thị Hiều | 4,35 | 3,46 |  |

**2.4. Vật Lí**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 14 | Nguyễn Trung Văn | 5.77 | 6.73 |  |

**2.5. Hóa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 14 | Nguyễn Thị Hồng Mến | 6.98 | 6.89 |  |

**2.6. Sinh học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 14 | Nguyễn Thị May | 6.43 | 7.29 |  |

**2.7. Môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 32 | Nguyễn Thị Lan Anh | 6,17 | 6,19 |  |
| 12A2 | 45 | Nguyễn Thị Lan Anh | 5,43 | 5,36 |  |
| 12A3 | 48 | Nguyễn Thị Lan Anh | 5,58 | 5,34 |  |
| 12A4 | 43 | Nguyễn Thị Lan Anh | 5,21 | 5,21 |  |
| 12A5 | 46 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | 5,04 | 5,00 |  |
| 12A6 | 41 | Nguyễn Thị Lan Anh | 5,27 | 4,92 |  |
| 12A7 | 42 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | 4,21 | 4,29 |  |
| 12A8 | 39 | Nguyễn Thị Lan Anh | 4,55 | 4,91 |  |

**2.8. Môn Địa lí**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 32 | Trần Thị Hương | 7,66 | 6,71 |  |
| 12A2 | 45 | Nguyễn Thị Hằng | 7,10 | 6,42 |  |
| 12A3 | 48 | Nguyễn Thị Hằng | 6,93 | 6,51 |  |
| 12A4 | 43 | Trần Thị Hương | 6,58 | 5,88 |  |
| 12A5 | 46 | Trần Thị Hương | 6,76 | 5,91 |  |
| 12A6 | 41 | Trần Thị Hương | 6,65 | 5,82 |  |
| 12A7 | 42 | Trần Thị Hương | 5,89 | 5,38 |  |
| 12A8 | 39 | Trần Thị Hương | 6,19 | 5,41 |  |

**2.9. Môn GDCD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT năm 2023** | **GV dạy** | **Khảo sát đợt 1****(Tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2****(Tháng 03/2023)** | **Điểm TB Khảo sát đợt 3** |
|
| 12A1 | 32 | Lưu Thị Phương | 5,70 | 5,77 |  |
| 12A2 | 45 | Lưu Thị Phương | 5,82 | 5,22 |  |
| 12A3 | 48 | Lưu Thị Phương | 5,54 | 5,32 |  |
| 12A4 | 43 | Lưu Thị Phương | 5,45 | 4,98 |  |
| 12A5 | 46 | Lưu Thị Phương | 5,67 | 4,84 |  |
| 12A6 | 41 | Lưu Thị Phương | 5,27 | 5,04 |  |
| 12A7 | 42 | Lưu Thị Phương | 4,83 | 4,95 |  |
| 12A8 | 39 | Lưu Thị Phương | 5,11 | 4,86 |  |

**IV. Chỉ tiêu, giải pháp nâng cao chất lượng thi TN THPT 2023**

**1. Chỉ tiêu (đến từng môn)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn** | **Năm 2022** | **Chỉ tiêu năm 2023** |
| **Điểm TB** | **Xếp thứ** | **Điểm TB** | **Xếp thứ** |
| Toán | 5,16 | 33 | 5,5 | 31 |
| Văn | 6.24 | 30 | 6,34 | 25 |
| Anh | 3.57 | 36 | 4,00 | 34 |
| Lí |  |  | 6,71 | 20 |
| Hóa |  |  | 6.82 | 15 |
| Sinh |  |  | 7.06 | 4 |
| Sử | 5.73 | 38 | 5,8 | 38 |
| Địa | 6.00 | 41 | 6,2 | 35 |
| GDCD | 7.29 | 35 | 7,4 | 32 |
| Toàn trường | 5.66 | 37 | 5,85 | 30 |

**2. Giải pháp chính**

- Đối với nhà trường: Bám sát các kế hoạch, hướng dẫn chỉ đạo chung của toàn nghành, của sở. Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch chỉ đạo ngay từ đầu năm học để thực hiện thông suốt, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ năm học

- Đối với các môn thi TN THPT: Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch ôn tập đảm bảo phù hợp với từng lớp, từng đối tượng học sinh. Tăng thời gian ôn tập. /.

**3. Kế hoạch ôn tập**

- Tiếp tục ôn tập vào các buổi chiều: 3 tiết/môn/buổi.

- Từ ngày 15/5/2023-17/6/2023 sẽ tăng tăng cường ôn tập 2 buổi/ngày; ôn 6 ngày/tuần. Mỗi môn sẽ ôn 1 buổi sáng và 1 buổi chiều. Với các học sinh thuộc đối tượng học kém sẽ ôn thêm 1 tiết/buổi với kiến thức cơ bản để củng cố kiến thức.

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |